

Số: 995 /TM-BVYT

Yên Thành, ngày 23 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị sản xuất, kinh doanh lĩnh vực Ấn phẩm, giấy in; Túi đựng chất thải; Đồ vải; Công nghệ thông tin; Đồ điện; Nội thất văn phòng tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành đang thực hiện xây dựng kế hoạch mua sắm các mặt hàng Ấn phẩm, giấy in; Túi đựng chất thải; Đồ vải; Công nghệ thông tin; Đồ điện; Nội thất văn phòng năm 2024. Để có căn cứ xây dựng kế hoạch mua sắm hàng hóa theo kế hoạch nêu trên, Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành kính mời các đơn vị sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trên báo giá (*theo danh mục gửi kèm*)

Đề nghị quý Công ty cung cấp báo giá tới:

Bộ phận Văn thư, Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành, Xóm 2, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, số ĐT: 02383 863130, với tiêu đề “Báo giá Giấy in của Công ty.....”, File mềm xin vui lòng gửi về địa chỉ gmail: benhviendkyenthanh@gmail.com

Yêu cầu hồ sơ báo giá gồm các tài liệu sau:

+ Danh mục hàng hóa cần mua: (*được đính kèm từ PL1 đến PL6*)

+ Những nội dung yêu cầu báo giá: (*được đính kèm từ PL7 đến PL10*)

Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ 07h00 phút ngày 24/11/2023 đến 07h00 phút ngày 04/12/2023**

Tài liệu theo thư mời chào giá:

+ Danh mục hàng hóa, dịch vụ;

+ Mẫu báo giá

Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2023.

Kính đề nghị quý Công ty quan tâm gửi hồ sơ về Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành chậm nhất 07 giờ 00 phút ngày 04 tháng 12 năm 2023.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng tải trên Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, HCTC-TCKT.

GIÁM ĐỐC



Luyện Văn Trịnh

Phụ lục 1: Danh mục hàng hóa Ấn phẩm, Giấy in

(Kèm theo thư mời báo giá số: 995/TM-BVYT ngày 23 tháng 11 năm 2023 của bệnh viện ĐK Yên Thành)

TT	Tên ấn phẩm	Quy cách hàng hóa	Đơn vị	Số lượng
1	Bệnh án Sản	Bệnh án Sản - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 15 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa + Ruột + Gáy) thành bộ	Bộ	1,300
2	Bệnh án Phụ khoa	Bệnh án Phụ khoa - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 15 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa + Ruột + Gáy) thành bộ	Bộ	2,300
3	Bệnh án Sơ Sinh	Bệnh án Sơ Sinh - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 10 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa+Ruột + Gáy) thành bộ	Bộ	100
4	Bệnh án Nội khoa	Bệnh án Nội khoa - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 15 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa + Ruột + Gáy) thành bộ	Bộ	4,500
5	Bệnh án Y học cổ truyền	Bệnh án Y học cổ truyền - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 15 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa + Ruột + Gáy) thành bộ	Bộ	2,300
6	Bệnh án Truyền Nhiễm	Bệnh án Truyền Nhiễm - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu.	Bộ	300

		- Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 15 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa +Ruột + Gáy) thành bộ		
7	Bệnh án TMH	Bệnh án TMH - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 15 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa +Ruột + Gáy) thành bộ	Bộ	1,000
8	Bệnh án RHM	Bệnh án RHM - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 15 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa +Ruột + Gáy thành bộ")	Bộ	1,000
9	Bệnh án Mắt	Bệnh án Mắt - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 15 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa +Ruột + Gáy) thành bộ	Bộ	1,000
10	Bệnh án Ngoại khoa	Bệnh án Ngoại khoa - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 15 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa +Ruột + Gáy) thành bộ")	Bộ	3,500
11	Bệnh án Nhi	Bệnh án Nhi - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 15 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa +Ruột + Gáy) thành bộ	Bộ	3,000
12	Bệnh án Ngoại trú nội tiết	Bệnh án Ngoại trú nội tiết - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 10 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa +Ruột + Gáy) thành bộ	Bộ	4,000

13	Bệnh án Ngoại trú	Bệnh án Ngoại trú - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 10 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa +Ruột + Gáy) thành bộ	Bộ	200
14	Bệnh án Ngoại trú YHCT	Bệnh án Ngoại trú YHCT - Bìa: Giấy Duplex 250, kích thước (32x46)cm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. - Gáy: Bãi Bằng 65gsm, kích thước (4x29)cm, gồm 10 gáy không in nội dung. - Đóng ghim giữa (Bìa +Ruột + Gáy) thành bộ	Bộ	200
15	Phong bì	Phong bì KT: 12 * 22 cm Giấy Bãi Bằng 100gsm, có keo dính 2 mặt ở nắp đậy , in 1 mặt, 1 màu	Cái	2,000
16	Phiếu công khai DVKCB	Phiếu công khai DVKCB: Giấy A4 Bãi Bằng 65gsm, in ngang, in 2 mặt, 1 màu	Bộ	25,000
17	Bao đựng Phim XQ	Bao đựng Phim XQ: Giấy Bãi Bằng 100gsm, kích thước 26*32 nền màu trắng, in 1 mặt, 1 màu.	Cái	50,000
18	Sổ ra- vào viện, chuyển viện	Sổ ra- vào viện, chuyển viện: - Ruột: Giấy Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in ngang, in 2 mặt, 1 màu. Đóng 100 tờ/quyển. - Bìa: Giấy T&T định lượng 160gsm, kích thước A3, in 1 mặt, 1 màu	Quyển	5
19	Sổ họp hội đồng người bệnh	Sổ họp hội đồng người bệnh: - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A5, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. Đóng 100 tờ/quyển. - Bìa: Giấy T&T định lượng 160gsm, kích thước A5, in 1 mặt, 1 màu	Quyển	5
20	Sổ xin xe ô tô cứu thương	Sổ xin xe ô tô cứu thương: Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A4, in ngang, in 1 mặt, 1 màu. Gồm có 2 liên, bấm xé ở giữa. Đóng 100 tờ/quyển. Bìa: Giấy T&T định lượng 160gsm, kích thước A4, in dọc, in 1 mặt.	Quyển	10
21	Sổ sai sót chuyên môn	Sổ sai sót chuyên môn: Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A5, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. Đóng 100 tờ/quyển. Bìa: Giấy T&T định lượng 160gsm, kích thước A5, in dọc, in 1 mặt.	Quyển	5
22	Lệnh điều xe	Lệnh điều xe: - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A4, in ngang, in 2 mặt, 1 màu. Gồm có 2 liên, bấm	Quyển	5

		xé ở giữa. Đóng 100 tờ/quyển. - Bìa: Giấy Duplex định lượng 250gsm, kích thước A4, in ngang, in 1 mặt, 1 màu		
23	Sổ lĩnh thuốc hướng thần tiên chất	Sổ lĩnh thuốc hướng thần tiên chất - Ruột: Bãi Bằng 65gsm, kích thước A4, in 1 mặt, 1 màu. Có bấm xé ở giữa, Đóng 100 tờ/quyển. - Bìa: Giấy T&T định lượng 160gsm, kích thước A4, in ngang, in 1 mặt.")	Quyển	10
24	Sổ giao ban	Sổ giao ban - Ruột: giấy Bãi Bằng 65gsm, kích thước A4, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. Đóng 100tờ/quyển. - Bìa: Giấy T&T định lượng 160gsm, kích thước A4, in dọc in 1 mặt.	Quyển	30
25	Sổ lĩnh thuốc thường	Sổ lĩnh thuốc thường - Ruột: giấy Bãi Bằng 65gsm, kích thước A4, in dọc, in 1 mặt, 1 màu. Có bấm xé ở gáy. Đóng 100 tờ/quyển. - Bìa: Giấy T&T định lượng 160gsm, kích thước A4, in 1 mặt.	Quyển	20
26	Sổ khám bệnh	Sổ khám bệnh - Ruột: giấy Bãi Bằng 65gsm, kích thước A3, in dọc, in 2 mặt, 1 màu. Đóng 100tờ/quyển. - Bìa: Giấy T&T, kích thước A3, định lượng 160gsm, in 1 mặt, 1 màu	Quyển	2
27	Sổ khám bệnh nhỏ	Sổ khám bệnh nhỏ - Ruột: Giấy Bãi Bằng 65gsm, kích thước A5, in dọc, in 2 mặt, tờ đầu in 4 màu, các tờ sau 1 màu. - Bìa: Giấy Couche 150gsm, kích thước A5, in 4 màu, 2 mặt. - Đóng 28 trang/quyển.	Quyển	20,000
28	Sổ khám thai	Sổ khám thai - Ruột: giấy Bãi Bằng 65gsm, kích thước A4, in ngang 2 mặt, 1 màu. Đóng 100 tờ/ quyển. - Bìa: Giấy T&T định lượng 160gsm, kích thước A4, in 1 mặt.	Quyển	10
29	Sổ TD công tác sắc thuốc	Sổ TD công tác sắc thuốc: - Ruột: giấy Bãi Bằng 65gsm, kích thước A4, in ngang 2 mặt, 1 màu. Đóng 100 tờ/ quyển. - Bìa: Giấy T&T định lượng 160gsm, kích thước A4, in 1 mặt.	Quyển	10
30	Phiếu gây mê hồi sức	Phiếu gây mê hồi sức: Giấy A4 Bãi Bằng 65gsm, in dọc, in 2 mặt, 1 màu	Tờ	1,000
31	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật: Giấy A4 Bãi Bằng 65gsm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu	Tờ	1,000

32	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng >18 tuổi	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng >18: Giấy A4 Bãi Bằng 65gsm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu	Tờ	20,000
33	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng dành cho trẻ em	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng dành cho trẻ em: Giấy A4 Bãi Bằng 65gsm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu	Tờ	5,000
34	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng dành cho phụ nữ mang thai	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng dành cho phụ nữ mang thai: Giấy A4 Bãi Bằng 65gsm, in dọc, in 1 mặt, 1 màu	Tờ	2,000
35	Bảng theo dõi sử dụng giường bệnh	Bảng theo dõi sử dụng giường bệnh: Giấy A4 Bãi Bằng 65gsm, in ngang, in 1 mặt, 1 màu	Tờ	18,000
36	Phiếu chăm sóc	Phiếu chăm sóc: - Chất liệu: Bãi Bằng 65gsm - Kích thước: A4 - In dọc, in 2 mặt, 1 màu	Tờ	10,000
37	Phiếu theo dõi chức năng sống:	Phiếu theo dõi chức năng sống: - Chất liệu: Bãi Bằng 65gsm - Kích thước: A4 - in 2 mặt, 1 màu	Tờ	10,000
38	Phiếu theo dõi truyền dịch	Phiếu theo dõi truyền dịch: - Chất liệu: Bãi Bằng 65gsm - Kích thước: A4 - in dọc, in 1 mặt, 1 màu	Tờ	5,000
39	Phiếu cam đoan chấp nhận phẫu thuật/ thủ thuật	Phiếu cam đoan chấp nhận phẫu thuật thủ thuật: - Chất liệu: Bãi Bằng 65gsm, - Kích thước: A4 - In dọc, in 1 mặt, 1 màu	Tờ	1,000
40	Bảng kiểm soát bệnh nhân trước khi lên nhà mổ	Bảng kiểm soát bệnh nhân trước khi lên nhà mổ: - Chất liệu: Bãi Bằng 65gsm - Kích thước: A4 - In dọc, in 1 mặt, 1 màu	Tờ	1,000

41	Giấy cam kết điều trị nội trú	Giấy cam kết điều trị nội trú: Giấy A5 Bãi Bằng 65gsm, in ngang, in 1 mặt, 1 màu	Tờ	15,000
42	Giấy khám sức khỏe	Giấy khám sức khỏe: Giấy A3 Bãi Bằng 65gsm, in ngang, in 2 mặt, 1 màu	Tờ	4,000
43	Giấy khám sức khỏe lái xe	Giấy khám sức khỏe lái xe: Giấy A3 Bãi Bằng 65gsm, in ngang, in 2 mặt, 1 màu	Tờ	2,500
44	Giấy khám sức khỏe trẻ em	Giấy khám sức khỏe trẻ em: Giấy A3 Bãi Bằng 65gsm, in ngang, in 2 mặt, 1 màu	Tờ	300
45	Giấy in A4	Kích thước: 210 x 297mm Khổ giấy A4, 500 tờ/ ram Định lượng 70gms, độ trắng 92, Trắng bóng Xuất xứ Indonesia hoặc tương đương	Ram	1,328
46	Giấy in A5	Kích thước: 148 x 210 mm, Khổ giấy A5, 500 tờ/ ram Định lượng 70gms, độ trắng 92, Trắng bóng Xuất xứ Indonesia hoặc tương đương	Ram	2,368
47	Giấy in A5 màu xanh	Kích thước: 148 x 210 mm, Khổ giấy A5, 500 tờ/ ram Định lượng 70gms Xuất xứ Indonesia hoặc tương đương	Ram	14
48	Giấy Kim Mai A4	Kích thước: 297mm x 210mm Khổ giấy A4, 500 tờ/ ram Định lượng 135gms	Ram	390

(Gồm: 48 danh mục)

Phụ lục 2: Danh mục hàng hóa Túi đựng chất thải
(Kèm theo thư mời báo giá số: 995/TM-BVYT ngày 23 tháng 11 năm
2023 của bệnh viện ĐK Yên Thành)

TT	Tên hàng hóa	Quy cách hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bao xanh 90*70 (kg)	Chất liệu: Nhựa HDPE, Nhựa PE, Nhựa PP - Hàng sản xuất mới 100% - Túi có dây rút; có quai xách; có logo y tế (13 bao/kg)	Kg	1.268
2	Bao xanh 70*40 (kg)	Chất liệu: Nhựa HDPE, Nhựa PE, Nhựa PP - Hàng sản xuất mới 100% - Túi có dây rút; có quai xách; có logo y tế (35 bao/kg)	Kg	387
3	Bao xanh 40*30 (kg)	Chất liệu: Nhựa HDPE, Nhựa PE, Nhựa PP - Hàng sản xuất mới 100% - Túi có dây rút; có quai xách; có logo y tế (55 bao/kg)	Kg	101
4	Bao vàng 70*40 (kg)	Chất liệu: Nhựa HDPE, Nhựa PE, Nhựa PP - Hàng sản xuất mới 100% - Túi có dây rút; có quai xách; có logo y tế (35 bao/kg)	Kg	265
5	Bao vàng 40*30 (kg)	Chất liệu: Nhựa HDPE, Nhựa PE, Nhựa PP - Hàng sản xuất mới 100% - Túi có dây rút; có quai xách; có logo y tế (55 bao/kg)	Kg	117

(Gồm: 05 danh mục)

Phụ lục 3: Danh mục hàng hóa Công nghệ thông tin
(Kèm theo thư mời báo giá số: 995/TM-BVYT ngày 23tháng 11 năm
2023 của bệnh viện ĐK Yên Thành)

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Máy tính đồng bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Thùng máy/ Case: Form Tower - Bo mạch chủ: Intel® B760 - Bộ vi xử lý: Intel® Pentium Gold ® G7400 Processor 3.7GHz (6M Cache, 2 cores). - Memory: 8GB DDR4 3200 MHz U-DIMM, 2xDIMM slot, có khả năng nâng cấp RAM lên đến 64 GB. - Ổ cứng: 256GB M.2 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD + 1TB SATA 7200RPM 3.5" HDD, 4 x SATA 6.0Gb/s ports. Có sẵn tray nâng cấp: 3.5" HDD assembly kit + M.2 SSD assembly kit. Có khả năng nâng cấp tối đa 2 x 3.5", upto 4TB 7200 rpm; 2 x M.2 SSD, upto 2TB PCIe® 4.0 SSD - Nguồn: bộ nguồn 200W power supply (80+ Bronze, peak 250W) - Bàn phím: Preferred Pro USB Keyboard, 104-key, black (cùng thương hiệu đồng bộ với thân máy). - Chuột: Enhanced Optical USB Mouse, black (cùng thương hiệu đồng bộ với thân máy). - Khay ổ cứng: 2 x 3.5" Internal Bay. - Khe cắm mở rộng: 1 x PCIe® 4.0 x16, 2 x PCIe® 3.0 x1, 1 x M.2 connector for WiFi, 2 x M.2 connector for storage, 2 x DDR4 U-DIMM slot. - Card đồ họa: Intel® UHD Graphics 710. - Kết nối mạng: Intel WGI219V 10/100/1000 GbE, non-vPro - Cổng kết nối mặt trước: 1x Headphone; 1x MIC in; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A; 1x 2 in 1 card reader SD / MMC; 1x Smart card reader; - Cổng kết nối mặt sau: 1x Headphone out; 1x Line-in; 1x MIC in; 1x RJ45 Gigabit Ethernet; 1x HDMI 1.4; 1x VGA Port; 1x Display port 1.4 ; 2x PS2; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A; - Âm thanh: High Definition 7.1 Channel Audio - Hệ điều hành: Hệ điều hành Windows 11 Home 64bit, có bản quyền hợp pháp, cài đặt sẵn theo máy - Kích thước (WxDxH): 17.60 x 39.30 x 38.50 cm - Trọng lượng: 7.7 kg - Tính năng bảo mật: <ul style="list-style-type: none"> + Chức năng đặt password HDD: bảo vệ tất cả dữ liệu được lưu trữ trên đĩa cứng, giữ cho dữ liệu an toàn không bị đọc hoặc ghi đè bởi người dùng trái phép; + Trusted Platform Module TPM2.0: Chip bảo mật vật lý tích hợp trên mainboard, được thiết kế cung cấp những chức năng liên quan tới an ninh cơ bản; + Khe khóa Kensington + Khe khóa Padlock - Bảo hành: 3 năm tại nơi sử dụng (Onsite Service) Sản xuất năm 2023 trở về sau Xuất xứ: Trung Quốc Màn hình máy tính cùng hãng với PC - Kích thước: 21.5 inch, Tỉ lệ: 16:9, Full HD (1920x1080) 	Bộ	1

		<ul style="list-style-type: none"> - Tấm nền: WLED / IPS, Độ sáng: 250cd/m2, góc nhìn rộng 178°(H)/ 178°(V) - Tần số quét: 75Hz, với công nghệ Adaptive-Sync/FreeSync™ để loại bỏ bóng mờ và đảm bảo video phát lại được sắc nét và rõ ràng - Thời gian đáp ứng: 1ms - Cổng kết nối: HDMI x 1; D-sub (VGA) x 1; Earphone Jack 3.5 mm - Công nghệ: Blue Light Filter (lọc ánh sáng xanh dương); Công nghệ Flicker-free (Khử nhấp nháy); Công nghệ+ Eye Care - Bảo hành: 3 năm tại nơi sử dụng (Onsite Service) <p>Sản xuất năm 2023 trở về sau Xuất xứ: Trung Quốc</p>		
2	Máy in đơn năng	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng: In đen trắng - Khổ giấy: A4/A5 - Tốc độ in: 12 trang/phút - Cổng giao tiếp: USB - Dùng mực: Canon EP303 - Xuất xứ: Trung Quốc - Bảo hành: 12 tháng - Hàng chính hãng - Sản xuất năm 2023 trở về sau 	Cái	1
3	Máy in đảo mặt	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng: In đen trắng 2 mặt tự động - Tốc độ in (A4): Lên tới 38 trang/phút. - Thời gian in bản đầu tiên (FPOT, A4): Xấp xỉ 5,5 giây. - Độ phân giải khi in: Lên tới 1.200 x 1.200dpi (tương đương) - Kết nối Gigabit Ethernet, Wi-Fi, kết nối trực tiếp (Direct Connection). - Tiêu chuẩn kết nối không dây: Wi-Fi 802.11b/g/n. - Khay Cassette tiêu chuẩn: 250 tờ. - Khay đa mục đích: 100 tờ - Khay nạp giấy gắn ngoài: 550 tờ. - Tổng lượng giấy nạp tối đa: 900 tờ. - Xuất giấy: 150 tờ. - Lượng bản in khuyến nghị hàng tháng: 750 - 4.000 trang. - Kích thước: 401 x 373 x 250mm. - Trọng lượng: Xấp xỉ 8,8 kg. - Sản xuất năm 2023 trở về sau - Xuất xứ: Việt Nam - Bảo hành: 12 tháng - Hàng chính hãng 	Cái	1
4	Máy in màu	<ul style="list-style-type: none"> - Loại máy: In phun màu - Chức năng: In 1 mặt - Hộp mực kèm theo in được (Độ phủ 5%/A4): Khoảng 7000 trang A4 (độ phủ 5%) - Thời gian in trang đầu tiên: 11 giây - Tốc độ in: 8.8 ảnh/phút (Đen trắng) - 5 ảnh/phút (Màu) - Loại mực in: GI-790 BK, GI-790C, GI-790M, GI-790Y - Giấy in: 4 x 6 (inch) 5 x 7 (inch) 8 x 10 (inch), A4, A5, B5, Letter - Sản xuất năm 2023 trở về sau - Xuất xứ: Việt Nam - Bảo hành: 12 tháng - Hàng chính hãng 	Cái	1

5	Bộ lưu điện/UPS	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất: 500VA / 300W - Nguồn vào: + Điện áp 220VAC (165 – 265VAC) - Tần số 50Hz (43 – 57Hz) - Kết nối lấy điện ngõ vào: Dây điện có phích cắm chuẩn NEMA - Nguồn ra: + Điện áp 220V +/- 10% (chế độ acquy) - Tần số 50Hz +/- 1Hz (chế độ acquy) - Lấy điện ngõ ra: 2 ổ chuẩn NEMA - Dạng ong: Step-wave - Thời gian lưu điện: Tối đa 12 phút cho 01 bộ máy tính màn hình 15” - Kích thước: (Rộng 80mm x Sâu 176.5mm x Cao 230mm) - Trọng lượng tịnh: 3.2 Kg - Sản xuất năm 2023 trở về sau - Xuất xứ: Trung Quốc - Bảo hành 36 tháng 	Cái	1
6	Switch 24 cổng	<p>Cổng Ethernet 24x 10/100/1000, liên kết lên 4x 1G SFP Cổng Gigabit Ethernet: 24 Giao diện đường lên: 4 SFP Kích thước (WxDxH tính bằng inch): 17,5 x 9,45 x 1,73 CPU: ARM v7 800 MHz; DRAM: 512 MB; Bộ nhớ flash: 256MB; Băng thông chuyển tiếp: 28 Gb / giây Chuyển đổi băng thông: 56 Gb / giây; Tỷ lệ chuyển tiếp (64 - byte L3 gói): 41,67 Mpps Giao diện Ethernet: * Cổng 10BASE-T: đầu nối RJ-45, cáp 2 cặp Loại 3, 4 hoặc 5 Cặp xoắn không được che chắn (UTP) * Cổng 100BASE-TX: đầu nối RJ-45, cáp UTP loại 5 2 cặp * Cổng 1000BASE-T: đầu nối RJ-45, cáp UTP loại 5 4 cặp * Các cổng dựa trên SFP 1000BASE-T: đầu nối RJ-45, cáp UTP loại 5 4 cặp Đèn LED chỉ báo: * Trạng thái mỗi cổng: tính toàn vẹn của liên kết, bị vô hiệu hóa, hoạt động * Tình trạng hệ thống: hệ thống Cáp bảng điều khiển: * Cáp bảng điều khiển CAB-CONSOLE-RJ45 dài 6 ft với RJ-45 * Cáp bảng điều khiển CAB-CONSOLE-USB dài 6 ft với đầu nối USB Loại A và mini-B Sản xuất năm 2023 trở về sau Xuất xứ: Trung Quốc Bảo hành: 12 tháng</p>	Cái	1

(Gồm: 06 danh mục)

Phụ lục 4: Danh mục hàng hóa đồ vải

(Kèm theo thư mời báo giá số:995/TM-BVYT ngày 23 tháng 11 năm 2023
của bệnh viện ĐK Yên Thành)

STT	Danh mục	Chất liệu vải, quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Quần áo bác sĩ	<p>*Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải kaki thun trắng - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 245 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 484 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 296 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 58; Ngang (N) ≥ 35 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 71,7 % Polyeste (±1), 25,7 % Visco (±1), 2,6 % Spandex (±1)(ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCNV 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40 °C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 4-5 - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 5(TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp): ≥ 1 - 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) <p>*Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Ford màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±1); ngang (Sợi/10cm) 264 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 25 , ngang (N) ≥ 25 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,6 % Polyeste (±1) , 33,4 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCNV 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40oC (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 3 - 4 (TCVN7835-X18:2013) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 34 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp):1- 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) <p>*Yêu cầu chung: Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng</p>	Bộ	62	

		<p>quy định của Thông tư 45/2015-BYT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: May theo số đo từng người. <p>Đóng gói mỗi bộ quần áo trong 1 túi, có ghi: Họ tên, số đo, khoa phòng công tác. Bàn giao và ký nhận từng cá nhân.</p>			
2	Quần áo Dược sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Ford màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±1); ngang (Sợi/10cm) 264 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 25 , ngang (N) ≥ 25 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,6 % Polyeste (±1) , 33,4 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 3 - 4 (TCVN7835-X18:2013) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 34 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp):1- 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) <p>*Yêu cầu chung: Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thêu logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: May theo số đo từng người. <p>Đóng gói mỗi bộ quần áo trong 1 túi, có ghi: Họ tên, số đo, khoa phòng công tác. Bàn giao và ký nhận từng cá nhân.</p>	Bộ	18	
3	Quần áo kỹ thuật viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Ford màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±1); ngang (Sợi/10cm) 264 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 25 , ngang (N) ≥ 25 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,6 % Polyeste (±1) , 33,4 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 3 - 4 (TCVN7835-X18:2013) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 34 (TCVN 5092: 2009) 	Bộ	14	

		<ul style="list-style-type: none"> - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp):1- 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) *Yêu cầu chung: Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT - Có thêu logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: May theo số đo từng người. Đóng gói mỗi bộ quần áo trong 1 túi, có ghi: Họ tên, số đo, khoa phòng công tác. Bàn giao và ký nhận từng cá nhân. 			
4	Quần áo điều dưỡng, hộ sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Ford màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±1); ngang (Sợi/10cm) 264 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 25 , ngang (N) ≥ 25 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,6 % Polyeste (±1) , 33,4 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 3 - 4 (TCVN7835-X18:2013) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 34 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp):1- 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) * Yêu cầu chung: Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT - Có thêu logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: May theo số đo từng người. Đóng gói mỗi bộ quần áo trong 1 túi, có ghi: Họ tên, số đo, khoa phòng công tác. Bàn giao và ký nhận từng cá nhân. 	Bộ	124	
6	Quần áo Hộ lý, y công	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Ford màu xanh - Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (±1); ngang (Sợi/10cm) 264 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 25 , ngang (N) ≥ 25 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,6 % Polyeste (±1) , 33,4 % Bông (±1) 	Bộ	13	

		<p>(ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 3 - 4 (TCVN7835-X18:2013) - Độ thoát khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 34 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp):1- 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) <p>*Yêu cầu chung: Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thêu logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: May theo số đo từng người. Đóng gói mỗi bộ quần áo trong 1 túi, có ghi: Họ tên, số đo, khoa phòng công tác. Bàn giao và ký nhận từng cá nhân. 			
7	Quần áo nhân viên bảo vệ	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Kaki 100% Cotton màu xanh - Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 273 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 457 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 225 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥11.8Ngang (N) ≥15.8 (ISO 13937-1: 2000) -Thành phần: 100% bông (ISO/TR 11827: 2012) - Độ bền màu giặt A(1), 40oC (cấp): Dây màu: Bông 4-5, Thay đổi màu 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoát khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 5,6 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 17-5424 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng theo từng bộ, theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài 	Bộ	5	
9	Quần áo nhân viên hành chính (Nữ)	<p>*Áo :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Bamboo trắng - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 628 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 492 (±1) (ISO 7211-2: 1984) -Thành phần: Rayon 52,1%; Polyester 44% ; Spandex 3,9% (ISO 1833:2019) - Độ bền màu giặt A(1), 60°C (cấp): Dây màu: 4-5, Phai màu 	Bộ	10	

		<p>4-5 (ISO 105-C06A1S:2010)</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (ISO 14184-1:2011)</p> <p>* Váy:</p> <p>- Tên vải: Vải Tuyết mưa</p> <p>- Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 620 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 325 (±1) (ISO 7211-2: 1984)</p> <p>-Thành phần: Polyester 100% (ISO 1833:2019)</p> <p>- Độ bền màu giặt A(1), 60°C (cấp): Dây màu: 3-4, Phai màu 4-5 (ISO 105-C06A1S:2010)</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (ISO 14184-1:2011)</p> <p>*Yêu cầu chung:</p> <p>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</p> <p>- Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng theo từng bộ, theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài</p>			
10	Quần áo nhân viên hành chính nam	<p>*Áo :</p> <p>- Tên vải: Vải Bamboo trắng</p> <p>- Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 628 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 492 (±1) (ISO 7211-2: 1984)</p> <p>-Thành phần: Rayon 52,1%; Polyester 44% ; Spandex 3,9% (ISO 1833:2019)</p> <p>- Độ bền màu giặt A(1), 60°C (cấp): Dây màu: 4-5, Phai màu 4-5 (ISO 105-C06A1S:2010)</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (ISO 14184-1:2011)</p> <p>* Quần :</p> <p>- Tên vải: Vải Tuytsi len- TV042</p> <p>- Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 424(±1); Ngang (Sợi/10cm) 280(±1) (ISO 7211-2: 1984)</p> <p>-Thành phần: Rayon 32,3%; Polyester 66,8% ; Spandex 0,9% (ISO 1833:2019)</p> <p>- Độ bền màu giặt A(1), 60°C (cấp): Dây màu: 3-4, Phai màu 4-5 (ISO 105-C06A1S:2010)</p> <p>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (ISO 14184-1:2011)</p> <p>*Yêu cầu chung:</p> <p>- Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng.</p> <p>- Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng theo từng bộ, theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài</p>	Bộ		6
11	Áo choàng phẫu thuật	<p>Tên vải: Vải Kaki Cotton 87/13 màu xanh</p> <p>- Kiểu dệt vân chéo 3/1, TCVN 4897: 1989</p> <p>- Khối lượng g/m2: 228 (±1) (TCVN 8042: 2009)</p> <p>- Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 449 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 235 (±2) (TCVN 1753:1986)</p> <p>- Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80 Ngang (N) ≥ 50 (ISO</p>	Cái		50

		<p>13937-1: 2000)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: 88 % Polyeste (±1) 12 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012;TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp) 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 7 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 18-5620 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo Bệnh viện và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 			
12	Áo quần phẫu thuật viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Ford màu xanh - Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (±1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 251 (±1); Ngang (Sợi/10cm) 265 (±1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 26 Ngang (N) ≥ 26 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,7 % Polyeste (±1) 33,3 % Bông (±1) (ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40 °C (cấp): 4-5; (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 40(TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 15-3920 TCX (cấp): 3 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT và theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. Áo có logo bệnh viện trước ngực, chữ PHÒNG MỒ sau lưng. Quần có chữ PHÒNG MỒ chạy dọc ống quần bên trái. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng theo từng bộ, theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 	Bộ	50	
13	Váy, áo rời các cỡ cho Sản phụ	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải thô kẻ sọc - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 251 (±3) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 381 (±3); Ngang (Sợi/10cm) 277 	Bộ	100	

		<p>(±3) (TCVN 1753:1986)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80, Ngang (N) ≥ 70 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66±1 % Polyeste, 32±1 % visco , 2±1% spandex (ISO/TR 11827: 2012) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm3/s/cm2): ≥ 6 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 15-1306 TCX (cấp): 4 (ISO 105-A02: 1993) - Độ lệch màu so với Pantone 19-1215 TCX (cấp): 4 (ISO 105-A02: 1993) - Độ lệch màu so với Pantone 19-4004 TCX (cấp): 3 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo bệnh viện phía trên ngực trái và chữ KHOA SẢN phía sau lưng. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng theo từng bộ, theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 			
14	Chân váy khám phụ khoa	<p>Tên vải: Vải thô kẻ sọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m2: 251 (±3) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 381 (±3); Ngang (Sợi/10cm) 277 (±3) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80, Ngang (N) ≥ 70 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66±1 % Polyeste, 32±1 % visco , 2±1% spandex (ISO/TR 11827: 2012) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm3/s/cm2): ≥ 6 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 15-1306 TCX (cấp): 4 (ISO 105-A02: 1993) - Độ lệch màu so với Pantone 19-1215 TCX (cấp): 4 (ISO 105-A02: 1993) - Độ lệch màu so với Pantone 19-4004 TCX (cấp): 3 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của 	Cái	20	

		<p>Thông tư 45/2015-BYT. Có in Logo bệnh viện ĐKYT ở phần trái, mặt trước, thân trên, cách lưng váy khoảng 10cm.</p> <p>- Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng theo từng bộ, theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài.</p>			
15	Quần áo bệnh nhân 0-5 tuổi	<p>Tên vải: Vải thô kẻ sọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 251 (±3) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 381 (±3); Ngang (Sợi/10cm) 277 (±3) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80, Ngang (N) ≥ 70 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66±1 % Polyeste, 32±1 % visco , 2±1% spandex (ISO/TR 11827: 2012) - Độ bền màu giặt A(1), 40 °C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 6 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 15-1306 TCX (cấp): 4 (ISO 105-A02: 1993) - Độ lệch màu so với Pantone 19-1215 TCX (cấp): 4 (ISO 105-A02: 1993) - Độ lệch màu so với Pantone 19-4004 TCX (cấp): 3 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. <p>Có in logo bệnh viện phía trên ngực trái và tên khoa phía sau lưng.</p> <p>- Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng theo từng bộ, theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài</p>	Bộ	90	
16	Quần áo bệnh nhân 6-15 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải thô kẻ sọc - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 251 (±3) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 381 (±3); Ngang (Sợi/10cm) 277 (±3) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80, Ngang (N) ≥ 70 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66±1 % Polyeste, 32±1 % visco , 2±1% spandex (ISO/TR 11827: 2012) - Độ bền màu giặt A(1), 40 °C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 6 (TCVN 5092: 2009) 	Bộ	130	

		<ul style="list-style-type: none"> - Độ lệch màu so với Pantone 15-1306 TCX (cấp): 4 (ISO 105-A02: 1993) - Độ lệch màu so với Pantone 19-1215 TCX (cấp): 4 (ISO 105-A02: 1993) - Độ lệch màu so với Pantone 19-4004 TCX (cấp): 3 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo bệnh viện phía trên ngực trái và tên khoa phía sau lưng. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng theo từng bộ, theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài 			
17	Quần áo bệnh nhân người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải thô kẻ sọc - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 251 (±3) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 381 (±3); Ngang (Sợi/10cm) 277 (±3) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80, Ngang (N) ≥ 70 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66±1 % Polyeste, 32±1 % visco , 2±1% spandex (ISO/TR 11827: 2012) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 6 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 15-1306 TCX (cấp): 4 (ISO 105-A02: 1993) - Độ lệch màu so với Pantone 19-1215 TCX (cấp): 4 (ISO 105-A02: 1993) - Độ lệch màu so với Pantone 19-4004 TCX (cấp): 3 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng quy định của Thông tư 45/2015-BYT. Có in logo bệnh viện phía trên ngực trái và tên khoa phía sau lưng. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng theo từng bộ, theo từng loại, theo kích cỡ, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài 	Bộ	380	
18	Ga trải giường phòng trực	<ul style="list-style-type: none"> - Tên vải: Vải Kaki Cotton 87/13 màu xanh - Kiểu dệt vân chéo 3/1, TCVN 4897: 1989 - Khối lượng g/m²: 228 (±1) (TCVN 8042: 2009) 	Cái	44	

	KT: (1,4 x 2,0)m	<ul style="list-style-type: none"> - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 449 (± 1); Ngang (Sợi/10cm) 235 (± 2) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 80 Ngang (N) ≥ 50 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 88 % Polyeste (± 1) 12 % Bông (± 1) (ISO/TR 11827: 2012;TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp) 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 7 (TCVN 5092: 2009) - Độ lệch màu so với Pantone 18-5620 TCX (cấp): 3-4 (ISO 105-A02: 1993) - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018) - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng mẫu của BV đang dùng, Có bo chun, Có in logo Bệnh viện. - Cách thức may đo, bàn giao : Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 			
19	Chăn phòng trực KT: (1,5 x 1,5)m	<ul style="list-style-type: none"> Chăn nỉ - Vải nỉ Hàn Quốc mềm mại - Đường may chắc chắn, đẹp. may theo đúng kích thước và mẫu Bệnh viện đang dùng - Đóng gói từng chăn riêng biệt, và ghi số lượng bên ngoài 	Cái	29	
20	Màn phòng trực KT: (1,2 x 1,8)m	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng màn đạt tiêu chuẩn được chứng nhận bởi Tổ chức y tế Thế Giới - Vải màn được làm bằng chất liệu tuyền cao cấp dày và bền đẹp - Màu trắng - Kích thước và mẫu mã đúng theo mẫu bệnh viện đang dùng - Màn được đóng gói từng cái riêng biệt và ghi số lượng bên ngoài 	Cái	27	
21	Gối phòng trực KT: (0,4 x 0,6)m	<ul style="list-style-type: none"> Tên vải: Vải Ford màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm (TCNV 4897: 1989) - Khối lượng g/m²: 148 (± 1) (TCVN 8042: 2009) - Mật độ: Dọc (Sợi/10cm) 256 (± 1); ngang (Sợi/10cm) 264 (± 1) (TCVN 1753:1986) - Độ bền xé rách: Dọc (N) ≥ 25 , ngang (N) ≥ 25 (ISO 13937-1: 2000) - Thành phần: 66,6 % Polyeste (± 1) , 33,4 % Bông (± 1) (ISO/TR 11827: 2012; TCNV 5465-1: 2009; TCVN 5465-11: 2009) - Độ bền màu giặt A(1), 40°C (cấp): 4-5 (TCVN 7835-C10: 2007) - Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 3 - 4 (TCVN7835-X18:2013) - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): ≥ 34 (TCVN 5092: 2009) 	Cái	56	

	<ul style="list-style-type: none"> - Độ lệch màu so với Pantone 11-4001 TCX (cấp):1- 2 (ISO 105-A02: 1993). - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h (TCVN 7421-1:2013) - Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h (TCVN 12512-1: 2018 - Kích thước và kiểu dáng: May theo đúng mẫu của Bệnh viện đang sử dụng. - Cách thức may đo, bàn giao: Đóng gói riêng từng loại, ghi rõ tên sản phẩm, số lượng bên ngoài. 			
--	--	--	--	--

(Gồm: 21 danh mục)

Phụ lục 5: DANH MỤC MUA SẴM ĐỒ ĐIỆN
(Kèm theo thư mời báo giá số:995/TM-BVYT ngày 23 tháng 11 năm 2023
của bệnh viện ĐK Yên Thành)

TT	Danh mục và thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bóng đèn Led 15W: - Kích thước : 70 x 130mm - Công suất : 15W - Chất liệu : Nhựa bọc nhôm nguyên khối - Ánh sáng : Trắng - Quang phổ : 2000Lm - Chỉ số hoàn màu : Ra>80 - Loại đui : E27 - Độ bền : 40.000 giờ - Hãng sản xuất: Vinasun-Việt Nam	Cái	90
2	Bóng đèn Led 20W: - Kích thước : 80 x 155mm - Công suất : 20W - Chất liệu : Nhôm nguyên khối cao cấp - Ánh sáng : Trắng - Quang phổ : 2160Lm - Chỉ số hoàn màu : Ra>80 - Loại đui : E27 - Độ bền : 50.000 giờ - Hãng sản xuất: Vinasun-Việt Nam	Cái	100
3	Bóng đèn Led 30W: - Kích thước : 100 x 185mm - Công suất : 30W - Chất liệu : Nhôm nguyên khối cao cấp - Ánh sáng : Trắng - Quang phổ : 3240Lm - Chỉ số hoàn màu : Ra>80 - Loại đui : E27 - Độ bền : 50.000 giờ - Hãng sản xuất: Vinasun-Việt Nam	Cái	90
4	Bóng đèn Led 40W: - Kích thước dài : 1200mm - Công suất : 40W - Điện áp : 220V - Quang thông : 4600Lm - Chỉ số hoàn màu : >80 - Kiểu dáng : Bán nguyệt - Màu ánh sáng : Ánh sáng trắng	Cái	45

	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu : Hợp kim nhôm + Tán quang Meca - Hãng sản xuất: Vinasun-Việt Nam 		
5	Đui điện: <ul style="list-style-type: none"> - Loại: E27 - Dòng điện định mức: 4A - Điện thế: 250 VAC - Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	40
6	Phích cắm: <ul style="list-style-type: none"> - Loại: Thường chân tròn - Dòng điện định mức: 10A - Điện áp : 250VAC - Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	40
7	Ổ cắm 3 ngã đa năng: <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc được chế tạo từ đồng chất hợp kim, độ đàn hồi cao, dẫn điện tốt; kết cấu sáng tạo, thông minh bổ sung lò xo kẹp để tăng tính đàn hồi. đảm bảo tiếp xúc tốt, không phát nhiệt, tuổi thọ cao thích hợp khi cắm các loại phích cắm khác nhau - Cơ cấu kẹp dây dễ dàng, dây dẫn được kẹp chặt giữa hai mặt phẳng đảm bảo tiếp xúc tốt, không bị đứt dây. Phù hợp khi sử dụng dây mềm nhiều sợi cũng như dây đơn cứng. - Kết cấu mới trên Nắp khắc phục hiện tượng rơi vít thuận tiện cho người sử dụng. - Có đèn LED báo nguồn điện - Điện áp định mức: 250 VAC - Dòng điện định mức: 10A - Hãng sản xuất: Vinasun-Việt Nam 	Cái	50
8	Ổ cắm Lioa 6 chấu đa năng: <ul style="list-style-type: none"> - Số công tắc: 1 - Số ổ cắm: 3 ổ 3 chấu, 3 ổ 2 chấu - Chiều dài dây: 5 m - Số lõi dây: 2 - Công suất tối đa: 2200W Max 10A 250V - Có bảo vệ quá tải bằng CB (automat) - Hãng sản xuất: Lioa-Việt Nam 	Cái	20
9	Tụ quạt trần: <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp sử dụng: 220-450VAC. Tần số: 50/60Hz - Điện dung: 2.5μF\pm5% - Loại: CBB61 - Dùng trong quạt làm kích dòng khởi động - Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	120
10	Hộp số quạt trần: <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp: 220/50Hz - Màu sắc: Trắng kem 	Cái	40

	<ul style="list-style-type: none"> - Số cấp tốc độ: 5 - Hãng sản xuất: Điện cơ 91-Bộ quốc phòng, Việt Nam 		
11	<p>Băng dính điện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: đen - Chiều dài: 20Y (9m, 18m) - Chiều rộng: 18mm - Chiều dày: 0.12mm - Đặc tính: Độ kết dính cao, cách điện tốt - Hãng sản xuất: Tô Nga Dũng, Nano-Việt Nam 	Cái	20
12	<p>Phao điện tự động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Trái phao làm bằng chất liệu nhựa cao cấp. - Điện áp: 110/220V, 50/60Hz. - Dòng chịu tải max của tiếp điểm công tắc điện phao nước 15A - Số lần đóng-ngắt 1 triệu lần. - Hãng sản xuất: Radar-Đài Loan 	Cái	10
13	<p>Hạt công tắc 1 chiều:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp: 250V - Dòng điện: 10A - Màu sắc: Trắng - Hãng sản xuất: Nival-Việt Nam - Đặc tính: Vỏ làm nhựa cao cấp chống biến dạng do nhiệt, tiếp điểm được làm bằng hợp kim đồng, lò xo đàn hồi tốt trên 20.000 lần bật tắt. 	Cái	40
14	<p>Dây điện lõi đồng 2x0.75mm²:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ruột dẫn: Đồng ủ mềm trong môi trường khí trơ. - Số lõi: 2 lõi - Kết cấu: 30 sợi có đường kính khoảng 0.177mm bện tròn với nhau - Mặt cắt danh định: 0.75 mm² - Điện áp danh định: 300/500V - Dạng mẫu mã: Hình ô van. - Đóng gói: Đóng cuộn. - Hãng sản xuất: Cadisun-Việt Nam 	Mét	250
15	<p>Dây điện lõi đồng 2x1.5 mm²:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ruột dẫn: Đồng ủ mềm trong môi trường khí trơ. - Số lõi: 2 lõi - Kết cấu: 30 sợi có đường kính khoảng 0.24mm bện tròn với nhau - Mặt cắt danh định: 1.5mm² - Điện áp danh định: 450/750V - Dạng mẫu mã: Hình tròn. - Đóng gói: Đóng cuộn. - Hãng sản xuất: Cadisun-Việt Nam 	Mét	300

16	<p>Dây điện lõi đồng 2x2.5 mm²:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ruột dẫn: Đồng ủ mềm trong môi trường khí trơ. - Số lõi: 2 lõi - Kết cấu: 50 sợi có đường kính khoảng 0.24mm bện tròn với nhau - Mặt cắt danh định: 2.5mm² - Điện áp danh định: 450/750V - Dạng mẫu mã: Hình tròn. - Đóng gói: Đóng cuộn. - Hãng sản xuất: Cadisun-Việt Nam 	Mét	300
17	<p>Dây điện lõi đồng 2x4.0 mm²:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ruột dẫn: Đồng ủ mềm trong môi trường khí trơ. - Số lõi: 2 lõi - Kết cấu: 52 sợi có đường kính khoảng 0.30mm bện tròn với nhau - Mặt cắt danh định: 4.0mm² - Điện áp danh định: 450/750V - Dạng mẫu mã: Hình tròn. - Đóng gói: Đóng cuộn. - Hãng sản xuất: Cadisun-Việt Nam 	Mét	200
18	<p>Dây điện lõi nhôm 2x25 mm²:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ruột dẫn: Được xoắn bện đồng tâm từ sợi nhôm tròn kỹ thuật điện và ép nén chặt, 7 sợi trên 1 lõi - Số lõi: 2 - Mặt cắt danh định của ruột dẫn: 25mm²- - Điện áp danh định: 0,6/1kV- - Nhiệt độ làm việc lớn nhất: 900C - Hãng sản xuất: Cadisun-Việt Nam 	Mét	200
19	<p>Cầu dao 2P, 60A:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ quá tải bằng dây chảy chì - Điện áp định mức: 600VAC - Dòng điện định mức: 60A - Có đèn Led báo nguồn điện - Đặc tính: Nắp đậy bằng nhựa dẻo chịu nhiệt, cực đầu dây là cực đúc bằng đồng thau, đế bằng sứ cách điện - Số cực đầu dây: 2 cực - Hãng sản xuất: Vinakip-Việt Nam 	Cái	20
20	<p>Cầu dao 3P, 60A:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ quá tải bằng dây chảy chì - Điện áp định mức: 600VAC - Dòng điện định mức: 60A - Có đèn Led báo nguồn điện - Đặc tính: Nắp đậy bằng nhựa dẻo chịu nhiệt, cực đầu dây là cực đúc bằng đồng thau, đế bằng sứ cách điện - Số cực đầu dây: 3 cực 	Cái	5

	- Hãng sản xuất: Vinakip-Việt Nam		
21	<p>Attomat 20A:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng chất liệu nhựa chống cháy chất lượng cao, an toàn tuyệt đối. - Dòng tải định mức: 20A - Dòng cắt (IEC898): 4,5KA - Bề rộng cực : 17,5mm - Tiếp điểm: khi đóng mạch tiếp điểm hồ quang đóng trước. Tiếp theo là tiếp điểm phụ, sau đó mới đến tiếp điểm chính. Còn khi cắt mạch thì ngược lại. - Cơ cấu truyền động: dùng tay, dòng cắt tối đa 600A dựa trên cơ cấu đòn bẩy - Hãng sản xuất: Lioa-Việt Nam 	Cái	30
22	<p>Attomat MCB 40A:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ ngắn mạch, quá tải trong hệ thống điện - Sử dụng vật liệu chống cháy có khả năng cách điện cao - Tiếp điểm được làm bằng hợp kim bạc với độ bền cao, đầu nối dây chắc chắn. - Dòng điện định mức: 40A - Dòng cắt: 4,5KA - Hãng sản xuất: Vanlock-Việt Nam 	Cái	15
23	<p>Mặt 2 ổ cắm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp: 250VAC - Dòng điện định mức: 16A - Ổ cắm làm bằng nhựa PC chống cháy, mặt có viền mạ crom - Tiếp điểm với phích cắm ôm sát chắc chắn, làm bằng chất liệu đồng thau - Số ổ cắm: 2 - Hãng sản xuất: Nival-Việt Nam 	Cái	41
24	<p>Mặt 2 ổ cắm + 1 công tắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp: 250VAC - Dòng điện định mức: 16A - Ổ cắm làm bằng nhựa PC chống cháy, mặt có viền mạ crom - Tiếp điểm với phích cắm ôm sát chắc chắn, làm bằng chất liệu đồng thau - Số ổ cắm: 2 - Số ổ công tắc: 1 - Hãng sản xuất: Nival-Việt Nam 	Cái	35
25	<p>Mặt 2 ổ cắm + 2 công tắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp: 250VAC - Dòng điện định mức: 16A - Ổ cắm làm bằng nhựa PC chống cháy, mặt có viền mạ 	Cái	30

	<p>crom</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp điểm với phích cắm ôm sát chắc chắn, làm bằng chất liệu đồng thau - Số ổ cắm: 2 - Số ổ công tắc: 2 - Hãng sản xuất: Nival-Việt Nam 		
26	<p>Quạt đảo trần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Model: TD105 - Điện áp: 220/50Hz - Công suất: 47W - Lưu lượng gió: 64m³/min - Đường kính cánh: 39cm - Số lượng cánh: 3 cánh - Màu sắc: Trắng - Hãng sản xuất: Senko-Việt Nam 	Cái	8
27	<p>Quạt trần điện cơ 91:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Model: QT-1400 - Điện áp: 220/50Hz - Công suất: 77W - Số cấp tốc độ: 5 - Lưu lượng gió: 319,15 m³/min - Đường kính sải cánh: 1400mm - Chất liệu cánh bằng sắt, màu xanh, chuyển hướng cơ - Hãng sản xuất: Điện cơ 91, Bộ quốc phòng-Việt Nam 	Cái	15
28	<p>Quạt treo tường 2 dây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Model: TC1688 - Điện áp: 220/50Hz - Công suất: 47W - Số cấp tốc độ: 3 - Lưu lượng gió: 64.4 m³/min - Đặc tính: chuyển hướng bằng điện - Hãng sản xuất: Senko-Việt Nam 	Cái	15
29	<p>Quạt đứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Model: DTS1607 - Điện áp: 220/50Hz - Công suất: 65W - Số cấp tốc độ: 3 - Lưu lượng gió: 88,6 m³/min - Đường kính cánh: 39 cm - Số lượng cánh: 7 cánh - Hãng sản xuất: Senko-Việt Nam 	Cái	5

(Gồm 29 danh mục)

Phụ lục 6: DANH MỤC MUA SẮM NỘI THẤT VĂN PHÒNG

(Kèm theo thư mời báo giá số:995/TM-BVYT ngày 23 tháng 11 năm 2023
của bệnh viện ĐK Yên Thành)

TT	Danh mục	Cấu hình chi tiết	Đơn vị	Số lượng
1	Ghế gấp	Ghế gấp:	Cái	35
		- Chân khung ống thép phi 22,		
		- Đệm tựa mút bọc PVC hoặc vải êm ái		
		- Ghế có thể gấp lại tiện dụng		
		- Kích thước: W440 x D490 x H760 mm		
- Khung thép được sơn tĩnh điện				
2	Ghế băng chờ 3 chỗ ngồi	Ghế băng chờ khung thép Hòa Phát:	Cái	30
		- Băng ghế gồm 3 chỗ ngồi.		
		- Khung thép sơn tĩnh điện.		
		- Đệm tựa nhựa bên đẹp		
		- Chân T9 sơn tĩnh điện.		
- Kích thước: W1495 x D520 x H770 mm				
3	Bàn vi tính	Bàn vi tính:	Cái	15
		- Bàn vi tính đơn 2 tầng		
		- Bàn có 1 ngăn kéo để đặt bàn phím và chuột		
		- Có giá để máy in hoặc máy Fax		
		- Chất liệu mặt bàn bằng gỗ Melamine cao cấp, khung thép sơn tĩnh điện		
- Kích Thước: W1200 x D600 x H750 mm				
4	Tủ hồ sơ, tủ đựng tài liệu	Tủ hồ sơ, tủ đựng tài liệu:	Cái	8
		- Tủ gồm 2 khoang:		
		+ khoang trên có 2 đợt di động, khung cánh kính lùa có khóa, tầng cách nhau tối thiểu 350mm.		
		+ khoang dưới có 2 cánh sắt mở có khóa		
		- Chất liệu tủ bằng sắt được sơn tĩnh điện, tay nắm nhựa		
Kích Thước: W1000 x D450 x H1830 mm				
5	Tủ sắt 3 khoang	Tủ sắt 3 khoang:	Cái	3
		- Tủ gồm 2 khoang cánh kính mở lùa, 1 khoang cánh sắt có khóa		
		- Mỗi khoang có 3 tầng, cách nhau tối thiểu 350mm		
		- Chất liệu bằng sắt được sơn tĩnh điện		
- Kích Thước: W1380 x D450 x H1830 mm				
6	Tủ sắt 4 ngăn	Tủ sắt 4 ngăn:	Cái	1
		- Tủ gồm 4 khoang cánh mở,		
		- Mỗi khoang có 1 đợt di động		
		- Chất liệu bằng sắt được sơn tĩnh điện		
- Kích Thước: W1000 x D450 x H1830 mm				
7	Tủ sắt 15 ngăn	Tủ sắt 15 ngăn:	Cái	1
		- Tủ gồm 15 khoang cánh mở có khóa		
		- Trên mỗi cánh có 1 khóa và tai khóa móc		

		- Chân tủ dùng đế nhựa chịu lực		
		- Chất liệu bằng thép được sơn tĩnh điện		
		- Kích Thước: W1530 x D350 x H1080mm		
8	Giá thép đa năng	Giá thép đa năng:	Cái	5
		- Giá đựng thép đa năng để tài liệu		
		- Giá gồm 2 khoang, 5 tầng, các đợt cố định		
		- Thanh trụ thép hộp chắc chắn		
		- Chất liệu: Sắt sơn tĩnh điện cao cấp		
		- Kích thước: W2030 x D457 x H2000 mm		

(Gồm 08 danh mục)

Phụ lục 7: MẪU BÁO GIÁ ẨM PHẨM, GIẤY IN

(Kèm theo Thư mời số: /TM-BVYT ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành)

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số: /TM-BVYT ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành

Tên công ty:.....

Địa chỉ :

Số điện thoại:

Mail:.....

Công ty xin báo giá như sau:

1. Báo giá Giấy in phục vụ bệnh nhân như sau:

STT	Tên Hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá (bao gồm các chi phí, lệ phí liên quan)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày tháng năm 2023

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin trong báo giá là trung thực.

....., Ngày tháng năm 2023

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 8: MẪU BÁO GIÁ TÚI ĐỰNG CHẤT THẢI

(Kèm theo Thư mời số: /TM-BVYT ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành)

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số: /TM-BVYT ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành

Tên công ty:.....

Địa chỉ :

Số điện thoại:

Mail:.....

Công ty xin báo giá như sau:

1. Báo giá Túi đựng chất thải phục vụ bệnh nhân như sau:

STT	Tên Hàng hóa	Quy cách hàng hóa	Số lượng (kg)	Đơn giá (bao gồm các chi phí, lệ phí liên quan)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày tháng năm 2023

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin trong báo giá là trung thực.

....., Ngày tháng năm 2023

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 9: MẪU BÁO GIÁ HÀNG HÓA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (HOẶC NỘI THẤT VĂN PHÒNG; ĐỒ ĐIỆN)
(Kèm theo Thư mời số: /TM-BVYT ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành)

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành

Tên công ty :

Địa chỉ :

Số điện thoại:

Căn cứ thông báo số /TM-TTYT ngày / /2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành về việc thông báo mời chào giá. Chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bản báo giá chi tiết các mặt hàng như sau:

1. Báo máy tính, máy in, lưu điện cụ thể như sau:

Đơn vị tính giá : VNĐ

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa/ chủng loại	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật cơ bản	Chủ sở hữu	Cơ sở sản xuất- Nước sản xuất	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Đơn giá bán (có thuế VAT)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày tháng năm 2023

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin trong báo giá là trung thực.

....., Ngày tháng năm 2023

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 10: MẪU BÁO GIÁ ĐỒ VẢI

(Kèm theo Thư mời số: /TM-BVYT ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành)

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành

Tên công ty :

Địa chỉ :

Số điện thoại:

Căn cứ thông báo số /TM-TTYT ngày / /2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành về việc thông báo mời chào giá. Chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bản báo giá chi tiết các mặt hàng như sau:

1. Báo giá trang phục nhân viên, đồ vải phục vụ bệnh nhân như sau:

Đơn vị tính giá : VNĐ

STT	Tên Hàng hóa	Chất liệu, quy cách	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (bao gồm các chi phí, lệ phí liên quan)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1							

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày tháng năm 2023

3. Chúng tôi cam kết:

-Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin trong báo giá là trung thực.

....., Ngày tháng năm 2023

GIÁM ĐỐC

